

toàn thể) tán thành theo nguyên tắc đa số, quá bán số người dự họp và thông báo công khai trong toàn doanh nghiệp.

- Không được dùng số cổ phần dành cho lao động nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ để chia cho mọi người trong doanh nghiệp.

- Số người nghèo sau khi được lựa chọn phải đưa vào phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân đầu người trong gia đình được tính trên cơ sở các khoản thu nhập bao gồm: tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp lương đối với người làm công ăn lương; thu nhập chính từ lao động của các thành viên trong gia đình làm việc ở các thành phần kinh tế khác (ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác) chia cho số người trong gia đình (vợ, chồng, con và người phải trực tiếp nuôi dưỡng).

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 165/1998/TT-BTC ngày 18/12/1998 hướng dẫn phương pháp hạch toán kế toán kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định khu vực hành chính sự nghiệp tại 0h ngày 01/1/1998.

Thi hành Quyết định số 466/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiến hành tổng kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định của Nhà nước tại khu vực hành chính sự nghiệp ở thời điểm 0h ngày 01 tháng 1 năm 1998, Bộ Tài chính

hướng dẫn phương pháp hạch toán kế toán kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định thuộc khu vực hành chính sự nghiệp như sau:

- Kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định của các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp cơ sở phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp kiểm tra, xác nhận số liệu và ra thông báo xác nhận kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định về số lượng, chất lượng, giá trị, nguồn hình thành và hiện trạng sử dụng từng tài sản. Trên cơ sở đó, đơn vị có những biện pháp nhằm chấn chỉnh và đưa công tác quản lý, hạch toán tài sản cố định đi vào nền nếp.

- Căn cứ vào quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền về từng trường hợp xử lý tài sản, kế toán như sau:

1. Kế toán tài sản cố định thừa phát hiện trong kiểm kê:

a) *Giá trị của đất:* Phản ánh giá trị tài sản là đất của đơn vị hành chính sự nghiệp đang quản lý, sử dụng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như: Đất khuôn viên trụ sở làm việc, đất thuộc phạm vi quản lý của các trạm trại nghiên cứu thí nghiệm, đất trại giam, trại cải tạo, đất khuôn viên của các công trình phúc lợi chung, đất thuộc khuôn viên nhà ở... (theo quy định trong phương án tiến hành kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định ngày 7 tháng 10 năm 1997 của Ban chỉ đạo kiểm kê Trung ương về đối tượng kiểm kê là đất).

- Giá trị của đất, nếu trước đây chưa được ghi sổ kế toán, căn cứ vào Biểu số 02-KK/HCSN và Biểu số 02-BC/KK/HCSN để ghi vào sổ theo dõi tài sản cố định (Mẫu sổ số S31-H) loại tài sản là đất để theo dõi chi tiết cho từng khu đất. Nguyên giá của từng khu đất ghi vào sổ tài sản cố định (cột 8) chia làm 2 trường hợp như sau:

+ Nếu năm 1998 mở sổ kế toán tài sản cố định mới (Mẫu sổ số S31-H) thì lấy giá trị tài sản đất theo kiểm kê (chỉ tiêu 5 trên phiếu kiểm kê số 02-KK/HCSN) để ghi vào cột nguyên giá trên sổ kế toán tài sản cố định;

+ Nếu năm 1998 đơn vị chưa mở sổ kế toán tài

sản cố định mới mà vẫn tiếp tục ghi vào sổ kế toán tài sản cố định cũ thì phải lập chứng từ ghi bổ sung phần chênh lệch giữa giá trị tài sản đất theo kiểm kê (chỉ tiêu 5) trừ (-) chi phí để được sử dụng đất theo sổ kế toán (chỉ tiêu 3) của phiếu kiểm kê Biểu số 02-KK/HCSN.

Đồng thời căn cứ vào dòng tổng cộng chi phí để được sử dụng đất theo sổ kế toán (cột 2) giá trị tài sản là đất thực tế kiểm kê (cột 6) của Biểu số 02-BC/KK/HCSN để xác định phần giá trị tài sản là đất phải ghi bổ sung, lập chứng từ ghi tăng phần giá trị tài sản là đất. Căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình (2111)

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

b) Tài sản cố định hữu hình không phải là đất:

- Nếu tài sản cố định dùng trong hành chính sự nghiệp khi kiểm kê phát hiện thừa do chưa ghi sổ kế toán tài sản cố định, kế toán căn cứ vào phiếu kiểm kê Biểu số 01-KK/HCSN và hồ sơ tài sản cố định để ghi các chỉ tiêu cần thiết vào sổ kế toán tài sản cố định (Mẫu số S31-H). Đồng thời tổng hợp toàn bộ giá trị những tài sản chưa ghi sổ, lập chứng từ hạch toán tăng giá trị tài sản cố định theo nguyên giá, giá trị còn lại theo kiểm kê. Trên cơ sở đó, xác định giá trị hao mòn thực tế, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá theo kiểm kê)

Có TK 214- Hao mòn tài sản cố định (Số đã hao mòn)

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

(Theo giá trị còn lại của tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp).

- Nếu tài sản cố định thuộc nguồn vốn kinh doanh khi phát hiện thừa, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá theo kiểm kê)

Có TK 214- Hao mòn tài sản cố định (Số đã hao mòn)

Có TK 411- Nguồn vốn kinh doanh (Giá trị còn lại theo kiểm kê).

- Nếu tài sản cố định đơn vị đang sử dụng thuộc chương trình dự án của các tổ chức quốc tế hoặc nước ngoài tài trợ nhưng chưa bàn giao cho phía Việt Nam thì toàn bộ giá trị của tài sản cố định coi như tài sản cố định thuê ngoài và hạch toán vào bên Nợ tài khoản 001 "Tài sản cố định thuê ngoài". Sau này khi dự án kết thúc, nếu phía nước ngoài bàn giao cho phía Việt Nam, ghi giảm phần tài sản cố định thuê ngoài (ghi Có TK 001- tài sản cố định thuê ngoài). Đồng thời tiến hành xác định giá trị đã hao mòn và giá trị còn lại của tài sản cố định bàn giao. Căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền giao tài sản cố định cho đơn vị nào thì đơn vị đó hạch toán tăng tài sản theo số liệu trên biên bản bàn giao tài sản cố định.

- Nếu tài sản cố định thừa chưa xác định được nguồn gốc, nguyên nhân, kế toán phản ánh vào khoản phải trả:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình (ghi theo nguyên giá kiểm kê)

Có TK 331- Các khoản phải trả (3318 - Phải trả khác).

- Nếu tài sản cố định phát hiện thừa được xác định là tài sản cố định của đơn vị khác thì báo ngay cho đơn vị có tài sản biết. Nếu không xác định được chủ tài sản thì phải báo cho cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp biết để xử lý. Trong thời gian chờ xử lý, kế toán căn cứ vào thông báo xử lý kết quả kiểm kê phản ánh vào Tài khoản 002- Tài sản nhận giữ hộ (Tài khoản ngoài Bảng cân đối tài khoản) để theo dõi giữ hộ.

2. Kế toán tài sản cố định phát hiện thiếu khi kiểm kê:

Tài sản cố định phát hiện thiếu khi kiểm kê phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm, người phạm lỗi và xử lý theo chế độ quản lý tài sản công của Nhà nước.

a) Tài sản cố định dùng trong hành chính sự nghiệp:

- Trong thời gian chờ quyết định xử lý, kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê đã được cấp có thẩm

quyền duyệt y và hồ sơ tài sản cố định ghi giảm tài sản cố định trên sổ sách kế toán.

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

(Giá trị còn lại của những tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp)

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (Giá trị đã hao mòn)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá).

- Phản ánh giá trị của tài sản cố định bị thiếu, mất phải thu hồi, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (3118 - Phải thu khác) (giá trị còn lại của tài sản cố định hoặc chênh lệch giữa giá bắt bồi thường lớn hơn giá trị còn lại của tài sản cố định).

Có TK 511 - Các khoản thu (5118 - Các khoản thu khác) (giá trị còn lại của tài sản cố định hoặc chênh lệch giữa giá bắt bồi thường lớn hơn giá trị còn lại của tài sản cố định).

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ từng trường hợp cụ thể:

+ Nếu cho phép xóa bỏ thiệt hại do thiếu, mất tài sản, ghi:

Nợ TK 511 - Các khoản thu (5118).

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118).

+ Nếu quyết định người chịu trách nhiệm phải bồi thường, khi thu tiền bồi thường, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118).

+ Số tiền bồi thường được ghi tăng nguồn kinh phí hoặc nộp vào ngân sách, ghi:

Nợ TK 511 - Các khoản thu (5118)

Có TK 461 - Nguồn kinh phí hoạt động

(Nếu ghi tăng nguồn kinh phí)

Có TK 333 - Các khoản phải nộp nhà nước

(Nếu phải nộp ngân sách).

b) Tài sản cố định dùng cho bộ phận sản xuất kinh doanh:

- Căn cứ vào kết quả kiểm kê, ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (3118) (giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (số hao mòn lũy kế)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá).

- Khi có quyết định xử lý tài sản thiếu, tùy theo quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK liên quan (111,...)

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118).

3. Kế toán kết quả đánh giá lại tài sản cố định:

Kế toán kết quả đánh giá lại tài sản cố định là kế toán khoản chênh lệch tăng, khoản chênh lệch giảm về nguyên giá của những tài sản cố định hiện có của đơn vị do đánh giá lại theo hệ thống bảng giá áp dụng cho đợt kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định của Nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp tại 0h ngày 01 tháng 1 năm 1998 với giá đã ghi trên sổ kế toán tài sản cố định. Đồng thời với việc đánh giá lại nguyên giá phải xác định mức độ hao mòn thực tế của tài sản cố định và số chênh lệch giữa hao mòn thực tế với giá trị hao mòn lũy kế trên sổ kế toán.

Kế toán kết quả đánh giá lại tài sản căn cứ vào phê duyệt của cấp có thẩm quyền về kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định.

a) Kế toán khoản chênh lệch tăng nguyên giá tài sản cố định:

Căn cứ vào số liệu tổng hợp nguyên giá tăng (cột 18) (Biểu số 01A-BC/KK/HCSN) đã loại trừ những tài sản thừa chưa ghi sổ đã hướng dẫn ở Mục 1 - b "Tài sản cố định hữu hình không phải là đất" trên cơ sở đó xác định số chênh lệch về giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản cố định cần phải điều chỉnh tăng tương ứng với phần nguyên giá điều chỉnh tăng. Căn cứ vào số liệu

tính được lập chứng từ điều chỉnh tăng nguyên giá trên sổ kế toán tài sản cố định:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (Phần nguyên giá điều chỉnh tăng)

Có TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (Giá trị hao mòn điều chỉnh tăng)

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định:

(Giá trị còn lại tài sản cố định điều chỉnh tăng của tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp), hoặc

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

(Giá trị còn lại tài sản cố định điều chỉnh tăng của tài sản cố định thuộc nguồn vốn sản xuất kinh doanh).

b) Kế toán khoản chênh lệch giảm nguyên giá tài sản cố định:

Căn cứ vào số liệu tổng hợp nguyên giá giảm (cột 19 biểu 1A - BC - KK/HCSN) xác định số hao mòn và giá trị còn lại phải điều chỉnh giảm tương ứng với phần nguyên giá điều chỉnh giảm, lập chứng từ điều chỉnh tổng số nguyên giá giảm, ghi:

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (giá trị còn lại tài sản cố định phải điều chỉnh giảm tương ứng với phần nguyên giá giảm) (tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp)

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (tài sản cố định thuộc nguồn vốn sản xuất kinh doanh)

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (giá trị hao mòn điều chỉnh giảm)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá phải điều chỉnh giảm).

4. Kế toán điều chuyển những tài sản cố định không cần dùng xin điều đi:

- Căn cứ vào quyết định điều chuyển tài sản không cần dùng của cấp có thẩm quyền, kế toán lập chứng từ ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (số đã hao mòn xác định theo kiểm kê)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (giá trị còn lại theo kiểm kê)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá theo kiểm kê).

Đồng thời xóa sổ tài sản này trên sổ tài sản cố định bằng cách dùng mực đỏ gạch thẳng ngang một đường từ cột 1 đến cột 16.

- Đối với tài sản đang theo dõi trên tài khoản ngoài bảng, kế toán ghi giảm tài sản cố định (ghi đơn bên Có tài khoản 001 - Tài sản thuê ngoài).

5. Kế toán chuyển tài sản cố định thành công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng:

Theo Quyết định số 351-TC/QĐ/CDKT ngày 22/5/1997 quy định tài sản cố định trong đơn vị hành chính sự nghiệp phải thỏa mãn đồng thời cả hai tiêu chuẩn:

- Giá trị từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trở lên;

- Có thời gian sử dụng trên một năm.

Một số tài sản giá trị chưa đủ 5.000.000 đồng nhưng có thời gian sử dụng trên một năm vẫn được coi là tài sản cố định (theo quy định cụ thể).

Căn cứ vào kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định, những tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, kế toán chuyển thành công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng. Khi chuyển tài sản cố định thành công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng, kế toán phải liệt kê và tổng hợp toàn bộ những tài sản cố định phải chuyển thành công cụ, dụng cụ lâu bền. Căn cứ vào kết quả tổng hợp đã được phê duyệt lập chứng từ ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (số đã hao mòn)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (giá trị còn lại tài sản cố định) (tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp)

Nợ TK 631 - Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh (giá trị còn lại tài sản cố định) (tài sản cố định thuộc nguồn vốn sản xuất kinh doanh)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá tài sản cố định).

Khi chuyển tài sản cố định thành công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng, kế toán phải ghi phần giá trị còn lại của tài sản cố định vào bên Nợ tài khoản 005 - Dụng cụ lâu bền đang sử dụng (Tài khoản ngoài bảng).

Về hạch toán chi tiết tài sản cố định trên sổ tài sản cố định (Mẫu số S 31 - H) phải tiến hành xóa sổ tài sản cố định bằng cách dùng mực đỏ gạch ngang 1 đường từ cột 1 đến cột 16 những tài sản cố định chuyển thành dụng cụ lâu bền đang sử dụng.

6. Kế toán nhượng bán, thanh lý tài sản cố định:

Khi có những tài sản cố định cần bán, thanh lý, đơn vị tiến hành làm các thủ tục theo quy định, khi hoàn thành kế toán ghi sổ:

- Ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (số đã hao mòn)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (giá trị còn lại tài sản cố định) (tài sản cố định thuộc nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp)

Nợ TK 631 - Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh (giá trị còn lại tài sản cố định) (tài sản cố định thuộc nguồn vốn sản xuất kinh doanh)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình.

- Đồng thời phản ánh số thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định:

Nợ TK 111, 112

Có TK 511 - Các khoản thu.

- Số thu hoặc chênh lệch thu lớn hơn chi từ thanh lý, nhượng bán (sau khi trừ chi phí) phải nộp Nhà nước, ghi:

Nợ TK 511 - Các khoản thu

Có TK 333 - Các khoản phải nộp Nhà nước.

7. Kế toán tiếp nhận tài sản cố định từ đơn vị khác chuyển sang:

Căn cứ vào biên bản bàn giao tài sản cố định, kế toán ghi tăng tài sản cố định:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (theo giá trị còn lại)

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

Đồng thời ghi tăng tài sản cố định vào sổ tài sản cố định để theo dõi và tính hao mòn tài sản cố định.

Đối với những tài sản thuộc quyền sở hữu của đơn vị đang cho thuê, cho mượn kế toán vẫn phải theo dõi trên sổ sách và tiến hành kiểm kê, hạch toán kế toán như các trường hợp đã hướng dẫn ở trên.

Đối với những tài sản di thuê, di mượn để sử dụng, giá trị tài sản được theo dõi trên Tài khoản 001 - Tài sản thuê ngoài, ở ngoài Bảng cân đối tài khoản.

Trên đây là hướng dẫn phương pháp hạch toán kế toán kết quả kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định trong khu vực hành chính sự nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01 năm 1 năm 1998. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, các ngành, các địa phương, các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết. /.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 166/1998/TT-BTC ngày 19/12/1998 hướng dẫn chế độ thu lệ phí đăng ký quyền tác giả.

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản